TÒA ÁN ND HUYỆN NGA SƠN
TỈNH THANH HÓA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 16/2021/HS-ST
Ngày: 19-3-2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGA SƠN, TỈNH THANH HOÁ

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Mai Nam Tiến.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Hạnh và bà Dương Thị Thoa.

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Nga - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hoá.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hoá tham gia phiên toà: Ông Hoàng Đình Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 3 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 07/2021/TLST-HS ngày 08 tháng 02 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2021/QĐXXST-HS ngày 04 tháng 3 năm 2021 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn S, sinh ngày 31/01/2001 tại: xã Q, huyện H, tỉnh Thanh Hóa; nơi cư trú: thôn T, xã Q, huyện H, tỉnh Thanh Hoá; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Viết L và bà Lê Thị H; chưa có vợ, con; tiền án: không; tiền sự: không; bị tạm giữ ngày 11/11/2020, tạm giam ngày 14/11/2020; có mặt.

- *Bị hại*: Chị Mai Thị O, sinh năm 1988; nơi cư trú: tiểu khu B, thị trấn N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa; có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

1/ Anh Lê Đức T, sinh năm 1994; nơi cư trú: Số nhà 08, Ngõ 3, H, phố Đ, phường L, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa; vắng mặt.

2/ Anh Lê Anh Đ, sinh năm 1998; nơi cư trú: thôn T, xã Q, huyện H, tỉnh Thanh Hóa; vắng mặt.

3/ Anh Nguyễn Ngọc L, sinh năm 1991; nơi cư trú: Số nhà 31, phường X, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Văn S có quan hệ họ hàng với anh Lê Hữu V, chị Mai Thị O ở tiểu khu B, thị trấn N nên khoảng tháng 9 năm 2020, Nguyễn Văn S được gia đình chị O thuê làm phục vụ quán ăn sáng (cháo lòng). Trong thời gian làm việc tại quán ăn, S sinh hoạt cùng với gia đình, được chị O tin tưởng giao cho quản lý quán ăn, trông coi nhà khi vợ chồng chị đi vắng.

Khoảng đầu tháng 11 năm 2020, S có vay 70.000.000 đồng của người bạn là Lê Anh Đ. Đến ngày 08/11/2020 đã quá thời hạn hẹn nhưng S chưa trả tiền nên Đ gọi điện cho S, yêu cầu S đến ngày 10/11/2020 phải trả nợ cho mình. Ngoài ra, trước đó S còn vay của Nguyễn Ngọc L 10.000.000 đồng, nên đã nhiều lần L gọi điện thoại yêu cầu S trả nợ. Vì không có tiền để trả, lo sợ bị Đ đánh nên S nảy sinh ý định trộm cắp tài sản lấy tiền trả nợ. S biết gia đình chị O có két sắt để ở tầng hai, nghĩ trong két có tiền, nên S có ý định khi nào có cơ hội sẽ cạy két sắt lấy trộm tiền để trả nợ.

Chiều ngày 08/11/2020, trong lúc đi ra phía sau nhà chị O, S nhìn thấy 01 thanh sắt hình tròn có phần đầu lưỡi dẹt (xà beng tự chế) nên đã lấy, cất giấu ở phía sau nhà chờ thời cơ vào phòng dùng thanh xà beng này để cạy két sắt. Mặt khác S biết nhà chị O có camera an ninh, nếu đột nhập sẽ bị phát hiện, nên trưa ngày 09/11/2020, S đến vị trí dây cắm của hệ thống camera an ninh, rút hờ giác cắm làm cho camera mất tín hiệu, sau đó, S nói với anh V là camera an ninh bị hỏng.

Chiều ngày 10/11/2020, vợ chồng chị O đưa con gái đi Hà Nội khám bệnh, dặn S ở nhà dọn dẹp quán và trông cháu Lê Hữu T (sinh năm 2009). Xác định lúc này là thời cơ để bản thân thực hiện ý định trộm cắp tài sản. S cho cháu T mượn điện thoại di động của mình ngồi ở góc quán xem phim hoạt hình, rồi đi ra phía sau nhà, lấy chiếc xà beng đưa qua ô thoáng của phòng tắm, rồi đi vòng về phía trước, vào phòng tắm lấy chiếc xà beng lên tầng hai vào phòng ngủ của vợ chồng anh V, chị O. S lật chiếc két sắt nằm ngửa xuống sàn nhà, dùng xà beng thục mạnh phần lưỡi vào khe hở của phần cánh cửa với thân két sắt, dùng hai tay bẩy mạnh chiếc xà beng làm cánh cửa két bung ra. Bên trong có 01 ngăn tủ nhỏ đang cắm chìa khóa, S mở ra thì thấy có 03 tập tiền mệnh giá 500.000 đồng (mỗi tập 50.000.000 đồng) và 02 hộp nhựa chứa kim loại màu vàng là đồ trang sức (gồm: 03 sợi dây chuyền; 03 nhẫn; 03 khuyên tai; 01 mặt dây chuyền). S dồn số kim loại màu vàng sang 01 hộp đựng hình vuông, rồi bỏ toàn bộ số tiền và hộp chứa kim loại màu vàng vào túi quần. Sau đó, S đến bàn trang điểm, mở ngăn kéo thấy 01 con lợn đất, S lấy ra rồi đập mạnh xuống sàn nhà làm con lợn đất bị vỡ, S lấy toàn bộ số tiền chẫn bên trong bỏ vào túi quần, rồi cầm xà beng đi ra khỏi phòng. Để đánh lạc hướng vợ chồng chị O, S tạo ra hiện trường giả của vụ trộm cắp, bằng cách dùng xà beng đập mạnh vào ô cửa kính làm các mảnh kính bung ra. S đi xuống tầng một, vào phòng tắm, luồn chiếc xà beng qua ô thoáng ra phía sau. Tiếp đó, đi vòng ra phía sau cất giấu chiếc xà beng vào bụi cây cạnh rãnh thoát nước ở phía sau nhà anh V. Đối với số vàng lấy được trong két sắt, S giấu trong cốp xe mô tô của mình.

S đi sang quán bán hàng ăn, lấy điện thoại cháu T đang xem, gọi cho Đ nói nội dung "xuống thị trấn N lấy tiền". Khi Đ điều khiển xe ô tô đến, S lên xe cùng Đ đi thành phố T. Trên đường đi, S trả cho Đ 69.000.000 đồng. Khi đến quán mua bán sửa chữa điện thoại "T Mobil" ở số 66, đường N, S trả tiền chuộc 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone XS max S đã thế chấp trước đó, hết 10.000.000 đồng, đồng thời mua 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 Promax hết 20.000.000 đồng. Sơn còn trả nợ cho Nguyễn Ngọc L ở phường X hết 10.000.000 đồng. Sau khi về quán bán hàng ăn, trên đường đi chợ, S vào điểm chuyển tiền dịch vụ của Viettel ở thị trấn N nạp số tiền 43.000.000 đồng vào thẻ ATM của S, mở tại ngân hàng Vietcom Bank.

Khoảng 19 giờ cùng ngày, cháu T lên tầng hai lấy sách vở học bài thì thấy đồ đạc bị cạy phá nên chạy xuống nói với S. Giả vờ như không biết, S chạy lên quan sát rồi gọi điện cho vợ chồng chị O nói về việc gia đình chị bị đột nhập vào nhà, cạy, phá két sắt trộm cắp tài sản. Sau khi về nhà, vợ chồng chị O kiểm tra thì phát hiện chiếc két sắt của gia đình mình bị kẻ gian cạy phá và lấy đi số tài sản bên trong gồm: số tiền 150.000.000 đồng, một số đồ trang sức bằng vàng, cùng với số tiền hơn 02 triệu đồng trong lợn đất.

Sau khi nhận được tin báo, qua công tác khám nghiệm hiện trường và tài liệu xác minh ban đầu, lực lượng chức năng nhận thấy, Nguyễn Văn S là đối tượng có biểu hiện nghi vấn nên đã triệu tập đến Cơ quan điều tra để yêu cầu giải trình một số nội dung liên quan. Sau khi được các Điều tra viên, cán bộ điều tra động viên, thuyết phục, đến 21 giờ 30 phút cùng ngày, Nguyễn Văn S đã xin được tự thú, khai nhận toàn bộ hành vi phá két sắt của gia đình chị O để trộm cắp tài sản, khai báo nơi cất giấu chiếc xà beng, đồng thời giao nộp số vàng trang sức đang cất dấu.

Tại kết luận định giá tài sản ngày 22/12/2020 của Hội đồng định giá tài sản huyện Nga Sơn kết luận: 01 két sắt nhãn hiệu Việt Tiệp kích thước 70x43x34cm đã qua sử dụng trị giá 550.000 đồng; 01 con lợn đất màu đỏ đã qua sử dụng trị giá 30.000 đồng; 01 tấm kính kích thước 2,23x0,5m, dày 0,8cm màu xanh đen đã qua sử dụng trị giá 240.000 đồng. Tổng giá trị tài sản bị hư hỏng là 820.000 đồng.

Tại kết luận định giá tài sản ngày 24/12/2020 của Hội đồng định giá tài sản huyện Nga Sơn kết luận: tổng giá trị tài sản (kim loại màu vàng) S trộm cắp là 13.075.000 đồng.

Như vậy, tổng giá trị tài sản Nguyễn Văn S trộm cắp của gia đình chị Mai Thị O là 165.075.000đ (*Một trăm sáu mươi lăm triệu không trăm bảy mươi lăm nghìn đồng*). Trong đó, tiền mặt là 152.000.000 đồng, giá trị vàng là 13.075.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số 13/CT-VKSNS-KT ngày 08 tháng 02 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa đã truy tố Nguyễn Văn S về tội: "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự (BLHS).

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nga Sơn giữ nguyên quan điểm kết tội đối với bị cáo theo tội danh, điều khoản đã nêu trong cáo trạng, không thay đổi, bổ sung gì thêm đối với nội dung vụ án. Sau khi phân tích, đánh giá toàn diện vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) áp dụng khoản 2 Điều 173; điểm b, r, s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51; Điều 38 BLHS: xử phạt Nguyễn Văn S từ 24 (hai mươi bốn) tháng đến 30 (ba mươi) tháng tù; áp dụng khoản 1 Điều 47 BLHS, khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự (BLTTHS) tịch thu tiêu hủy 01 chiếc xà beng bằng kim loại, các mảnh vỡ của lợn đất và mảnh kính vỡ.

Bị cáo Nguyễn Văn S hoàn toàn thừa nhận và khai báo toàn bộ hành vi trộm cắp tài sản trong vụ án đúng như nội dung bản cáo trạng đã mô tả, không có ý kiến gì đối với các văn bản tố tụng hình sự, cũng như lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Bị cáo không có ý kiến tranh luận gì, chỉ đề nghị HĐXX giảm nhẹ hình phạt.

Người bị hại không có ý kiến tranh luận gì, mà đề nghị HĐXX giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định như sau:

[1] Về tội danh: Lời khai báo của bị cáo tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với đơn trình báo cũng như lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các văn bản tố tụng hình sự khác, như: đơn xin tự thú; biên bản tiếp nhận người phạm tội ra tự thú; sơ đồ hiện trường vụ án; biên bản khám nghiệm hiện trường, bản ảnh hiện trường; bản ảnh khám xét phương tiện; biên bản kết luận định giá tài sản … cũng như các tài liệu, chứng cứ khác được thu thập theo trình tự luật định, phản ánh đúng sự thật khách quan của vụ án.

Như vậy đã có đủ cơ sở khẳng định: Chiều ngày 10/11/2020, lợi dụng sơ hở trong việc quản lý tài sản của gia đình chị Mai Thị O ở tiểu khu B, thị trấn N, Nguyễn Văn S đã dùng xà beng đập phá két sắt chiếm đoạt tiền, vàng trang sức của gia đình chị O, tổng giá trị tài sản là 165.075.000 đồng. Ngoài ra, Nguyễn Văn S còn làm hư hỏng cửa kính, két sắt, lợn đất, tổng giá trị là 820.000 đồng. Hành vi nêu trên của Nguyễn Văn S đã phạm vào tội: "Trộm cắp tài sản". Tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 BLHS.

Quan điểm buộc tội của Viện kiểm sát nhân dân huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa đối với bị cáo theo tội danh và khung hình phạt như bản cáo trạng là hoàn toàn thỏa đáng, đảm bảo căn cứ pháp luật.

[2] Về hình phạt: Hành vi của bị cáo là hành vi nguy hiểm cho xã hội. Hành vi ấy không những đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, mà còn gây mất trật tự trị an, an toàn xã hội ở địa phương, gây tâm lý hoang mang, lo lắng trong nhân dân đối với việc quản lý tài sản của gia đình.

Xét nhân thân: Bị cáo tuổi đời còn trẻ, có sức khỏe, nhưng lười lao động, muốn hưởng thụ trên thành quả lao động của người khác. Bị cáo trộm cắp tài sản của chính gia đình người thân và là chủ nhà nơi mình làm thuê, số tài sản trộm cắp tương đối lớn. Tuy nhiên, bị cáo là người có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, phạm tội lần đầu, sau khi phạm tội đã đến cơ quan Công an tự thú, tự nguyện khắc phục hậu quả và thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình.

Xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự (TNHS): Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng TNHS nào và được hưởng các tình tiết giảm nhẹ TNHS quy định tại điểm b, điểm r, điểm s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51 BLHS là người phạm tội tự nguyện khắc phục hậu quả; tự thú; thành khẩn khai báo; người bị hại có đơn đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Đánh giá tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, xem xét yếu tố nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ TNHS như đã phân tích, HĐXX thấy cần áp dụng hình phạt tù, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định mới đủ tác dụng giáo dục, cải tạo bị cáo trở thành người công dân tốt và phòng ngừa tội phạm chung trong cộng đồng. Tuy nhiên, cần cân nhắc đến các tình tiết giảm nhẹ nêu trên để quyết định mức hình phạt đối với bị cáo cho phù hợp với quy định của pháp luật, đảm bảo đạt lý, thấu tình, cũng như thể hiện chính sách khoan hồng của Nhà nước đối với người phạm tội.

Về hình phạt bổ sung: Sau khi xem xét, cân nhắc, HĐXX thấy không cần áp dụng hình phạt bổ sung theo khoản 5 Điều 173 BLHS đối với bị cáo, vì bị cáo là người lao động tự do, thu nhập không ổn định.

[3] Về trách nhiệm dân sự: Cơ quan CSĐT Công an huyện Nga Sơn đã thu hồi và trả lại cho bị hại Mai Thị O toàn bộ số tiền và vàng mà bị cáo S đã trộm cắp. Đối với giá trị phần kính cửa, két sắt, lợn đất bị hư hỏng, gia đình chị O không yêu cầu bồi thường. Đối với các anh Lê Anh Đ, Nguyễn Ngọc L, Lê Đức T là những người được bị cáo trả nợ tiền, nhưng không biết số tiền này do bị cáo trộm cắp mà có, đã tự nguyện giao nộp lại cho Cơ quan điều tra để trả cho người bị hại. Bị hại và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không yêu cầu bồi thường gì thêm, nên miễn xét.

[4] Về xử lý vật chứng: Cần tịch thu tiêu hủy 01 thanh xà beng bằng kim loại là công cụ phạm tội; mảnh sành vỡ (của con lợn đất đựng tiền) và mảnh kính vỡ của cửa kính là những vật chứng không có giá trị sử dụng.

[5] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử: các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong các giai đoạn tố tụng đã thực hiện và ban hành đều hợp pháp, tuân thủ các nguyên tắc tố tụng cũng như đảm bảo việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm được giao theo quy định của BLTTHS.

[6] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 173; điểm b, r, s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51; Điều 38 BLHS:

- Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn S phạm tội: "Trộm cắp tài sản".

- Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn S 24 (hai mươi bốn) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ là ngày 11/11/2020.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47; điểm a, điểm c khoản 2 Điều 106 BLTTHS: tịch thu tiêu hủy 01 thanh xà beng bằng kim loại, đường kính 3,5cm, có hình trụ tròn, một đầu bọc ốp nhựa màu đen dài 10cm, một đầu gắn lưỡi bằng kim loại màu sẫm, kích thước 26x10cm, bị cong vênh, đã qua sử dụng; mảnh sành vỡ (của con lợn đất đựng tiền), có kích thước, hình dạng không rõ ràng; mảnh kính vỡ của cửa kính, có kích thước 23x18cm, dày 0,8cm (theo biên bản giao, nhận vật chứng ngày 08/02/2021 giữa Công an huyện Nga Sơn với Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nga Sơn).

Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 BLTTHS; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: bị cáo Nguyễn Văn S phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000đ (hai trăm nghìn đồng).

Về quyền kháng cáo: Căn cứ các Điều 331 và 333 BLTTHS: bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- Bị cáo; bị hại;
- Người có QL, NV liên quan;
- VKSND huyện Nga Sơn;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- Cơ quan CSĐT CA huyện Nga Sơn;
- Cơ quan THAHS CA huyện Nga Sơn;
- Chi cục THADS huyện Nga Sơn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Mai Nam Tiến